TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ NGHĨA LỘ** **TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 23/2024/HNGĐ-ST.
Ngày 04-9-2024.
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGHĨA LỘ, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Xuân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hà Văn Tý;

2. Bà Lường Thị Hoàn.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa*:** Bà Hà Thị Nguyên Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 76/2024/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2024, về việc Ly hôn, Tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2024; quyết định hoãn phiên tòa số: 18/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 19/8/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lò Thị H, sinh năm 1997.

Địa chỉ bản M, xã H, thị xã N, tỉnh Y; "Vắng mặt - có đơn xin xét xử vắng mặt".

2. Bị đơn: Anh Hà Văn D, sinh năm 1993.

Địa chỉ bản M, xã H, thị xã N, tỉnh Y; "Vắng mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai chị Lò Thị H trình bày:

+ Quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị H và anh Hà Văn D tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 12/5/2015, tại UBND xã Hạnh Sơn, thị xã Nghĩa Lộ; sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại bản M, xã H; vợ chồng chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh anh D nghiện ma túy và đánh đập chị H; mâu thuẫn giữa hai người đã được hai bên gia đình hòa giải, nhưng không có kết quả. Nay chị H xác định tình cảm vợ

chồng không còn, hôn nhân không thể kéo dài, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh Hà Văn D.

+ Con chung: Chị Lò Thị H và anh Hà Văn D có 01 con chung là Hà Thị Minh T, sinh ngày 24/02/2015. Sau khi ly hôn chị Hóa đề nghị chị là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung; không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Tài sản chung và nợ chung: Chị Lò Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn:* Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo, triệu tập hợp lệ đối với anh Hà Văn D nhiều lần, anh D cố ý không có mặt để giải quyết vụ án theo yêu cầu của nguyên đơn. Tòa án đã tiến hành lập biên bản tiếp cận công khai chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

- Bản tự khai của cháu Hà Thị Minh T: Sau khi chị Lò Thị H và anh Hà Văn D ly hôn cháu T có nguyện vọng muốn được ở cùng chị H.

- Biên bản xác minh ngày 19/7/2024 tại bản Mớ, xã Hạnh Sơn: Chị Lò Thị H và anh Hà Văn D đăng ký kết hôn với nhau năm 2015; hiện hai người đều có hộ khẩu tại bản M, xã H. Sau khi kết hôn chị H và anh D về chung sống với nhau tại bản M xã H, đến khoảng cuối năm 2018 thì chị H thường xuyên đi làm ăn xa, ít khi về địa phương, những ngày nghỉ lễ có về nhưng chị H về nhà bố mẹ đẻ ở thôn Đ, xã P và không chung sống cùng anh D từ năm 2018 đến nay.

Chị H và anh D có 01 con chung, hiện cháu đang ở cùng chị H tại nhà bố mẹ chị H ở thôn Đ, xã P.

Anh Hà Văn D là đối tượng nghi nghiện ma túy và cũng thường xuyên đi làm ăn xa.

Đối với các văn bản tố tụng Tòa án đã niêm yết tại địa phương cũng như các văn bản gửi về cho anh D, chính quyền địa phương đã tống đạt cho gia đình anh D, qua nắm bắt chính quyền địa phương biết được phía gia đình anh D đã thông báo cho anh D và anh D cũng nhất trí ly hôn, nhưng anh D sẽ không đến Tóa án để giải quyết. Chính quyền địa phương cũng đã trực tiếp gặp anh D để thông báo về việc chị H xin ly hôn anh, nhưng anh D bảo sẽ không đến Tòa án để giải quyết việc chị H xin ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Nghĩa Lộ phát biểu quan điểm:

Tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã chấp hành đúng quy định pháp luật tố tụng; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, là chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định tại điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Điều luật áp dụng: Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lò Thị H được ly hôn anh Hà Văn D.

- Con chung: Giao cháu Hà Thị Minh T, sinh ngày 24/02/2015 cho chị Lò Thị H được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục;

Anh Hà Văn D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Tài sản chung và nợ chung: Chị Lò Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lò Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Tố tụng: Chị Lò Thị H khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn là quan hệ tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Nghĩa Lộ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia xét xử lần hai nhưng vắng mặt, không lý do. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị H và anh Hà Văn D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hạnh Sơn, thị xã Nghĩa Lộ, vào ngày 12/5/2015 và không vi phạm các quy định về điều kiện kết hôn tại Điều 8, Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Như vậy, hôn nhân của chị H và anh D là hợp pháp.

Trong cuộc sống chung vợ chồng giữa chị H và anh D phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai người thường xuyên đi làm ăn xa, sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau nữa. Mâu thuẫn giữa hai người đã được hai bên gia đình hòa giải, nhưng không có kết quả. Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn giữa chị H và anh D đã thật sự trầm trọng; đời sống chung vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình 2014, xử cho chị Lò Thị H được ly hôn với anh Hà Văn D.

[3] Con chung: Giữa chị Lò Thị H và anh Hà Văn D có 01 con chung là Hà Thị Minh T, sinh ngày 24/02/2015.

Đối với đề nghị của chị H, sau khi ly hôn chị là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung; anh D phải cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử thấy rằng con chung của chị H và anh D là con gái và hiện đang ở cùng chị H, việc giao cho chị H nuôi dưỡng con chung sẽ thuận lợi và không làm xáo trộn môi trường sống của cháu và cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu. Vì vậy, để đảm bảo mọi mặt của con trẻ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Lò Thị H không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

[4] Tài sản chung và nợ chung: Chị Lò Thị H không đề nghị, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Án phí: Chị Lò Thị H phải chịu án phí.

[6] Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[7] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên toà là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 262, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Quan hệ hôn nhân:

Xử cho chị Lò Thị H được ly hôn anh Hà Văn D.

2. Con chung:

Xử giao cho chị Lò Thị H được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Hà Thị Minh T, sinh ngày 24/02/2015.

Anh Hà Văn D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Hà Văn D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Án phí:

Chị Lò Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai số 0000887 ngày 03/6/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Nghĩa Lộ; chị H đã nộp đủ án phí.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND TX Nghĩa Lộ;
- Chi cục THADS TX Nghĩa Lộ;
- UBND xã Hạnh Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu Hs.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Vũ Xuân